





**TỔNG CÔNG TY SONADEZI  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**

**MẪU SỐ 1**

**KQKTCL**

Năm: 2024

**KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 1 THÁNG 04 NĂM 2024**

QCVN 01-1: 2018/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc ( $\leq 15$ TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt	Bể chứa.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.13	Không mùi, vị lạ	0.45	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt	Cây xăng Bửu Long - Số 77, đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.17	0.19	Không mùi, vị lạ	0.20	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt	Trạm y tế phường Thanh Bình - Số 10, CMT8, KP3, P. Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.16	Không mùi, vị lạ	0.35	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
4		Nước sinh hoạt	Nhà dân - Số 122 CMT8, phường Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.16	Không mùi, vị lạ	0.30	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt	Nhà dân - F1, hẻm 120 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.18	Không mùi, vị lạ	0.40	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt	UBND phường Trung Dũng - Số 50 đường 30/4, P. Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.25	Không mùi, vị lạ	0.35	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc ( $\leq 15$ TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
7	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt	UBND phường Hiệp Hòa – Đường Đỗ Văn Thi, P. Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.14	0.29	Không mùi, vị lạ	0.45	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
8		Nước sinh hoạt	UBND phường Thống Nhất – Số 86, Nguyễn Văn Hoa, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.17	Không mùi, vị lạ	0.30	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
9		Nước sinh hoạt	Siêu thị Vinmart – Số 71, CMT8, KP1, P. Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.24	Không mùi, vị lạ	0.35	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
10	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Nước sinh hoạt	Bể chứa.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.14	0.60	Không mùi, vị lạ	0.35	1.33	0/100ml	0/100ml	Đạt
11		Nước sinh hoạt	Nhà dân – Đường Yết Kiêu, phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.15	Không mùi, vị lạ	0.30	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
12		Nước sinh hoạt	KCN Hồ Nai – xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.38	Không mùi, vị lạ	0.35	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
13		Nước sinh hoạt	Cây xăng Tân Hòa – 258 QL1A, P. Tân Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	1.70	Không mùi, vị lạ	0.40	2.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
14		Nước sinh hoạt	Nhà dân - Hẻm 313 Xa lộ Hà Nội, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai. (cạnh Bệnh viện phụ sản Âu Cơ)	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.09	1.82	Không mùi, vị lạ	0.35	2.74	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
15	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Nước sinh hoạt	Bể chứa.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.15	Không mùi, vị lạ	0.60	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
16		Nước sinh hoạt	Tầng áp Thiện Tân 2 – Đường Điều Xiển, KP9, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.17	Không mùi, vị lạ	0.50	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
17		Nước sinh hoạt	Điện lực Đồng Nai - Số 1, Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.14	0.21	Không mùi, vị lạ	0.40	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
18		Nước sinh hoạt	UBND phường Tam Hòa - Số 1, Phạm Văn Thuận, P. Tam Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.21	Không mùi, vị lạ	0.30	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
19		Nước sinh hoạt	Nhà dân – Số 13D3, KP. Bình Dương, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.20	0.17	Không mùi, vị lạ	0.20	0.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
20		Nước sinh hoạt	Bệnh viện tâm thần TW2 - Đường Nguyễn Ái Quốc, KP7, P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.13	Không mùi, vị lạ	0.40	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
21		Nước sinh hoạt	KCN Biên Hòa 1- Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.15	Không mùi, vị lạ	0.40	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
22		Nước sinh hoạt	Công ty CP Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.17	Không mùi, vị lạ	0.30	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
23		Nước sinh hoạt	Công an phường Trảng Dài – Đường Bùi Trọng Nghĩa, P. Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.05	0.16	Không mùi, vị lạ	0.50	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc ( $\leq 15$ TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
24	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Nước sinh hoạt	Công an phường Tam Hiệp - Số 240, Phạm Văn Thuận, P. Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.19	Không mùi, vị lạ	0.45	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Nước sinh hoạt	Trạm y tế phường Hồ Nai - Tổ 9, KP4, P. Hồ Nai, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.19	0.14	Không mùi, vị lạ	0.35	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
26		Nước sinh hoạt	UBND phường Bình Đa - Tổ 29C, Trần Quốc Toản, KP3, P. Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.15	Không mùi, vị lạ	0.40	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Nước sinh hoạt	Nhà dân - Đường Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai (cạnh Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ).	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.17	Không mùi, vị lạ	0.35	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
28		Nước sinh hoạt	UBND phường An Bình - Số 411 Trần Quốc Toản, KP12, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.12	Không mùi, vị lạ	0.40	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
29		Nước sinh hoạt	Bệnh viện 7B - Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.16	Không mùi, vị lạ	0.45	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
30		Nước sinh hoạt	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.99	0.12	Không mùi, vị lạ	0.35	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
31	Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	02/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.06	0.14	Không mùi, vị lạ	0.60	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
32		Nước sinh hoạt.	KCN Amata - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.18	Không mùi, vị lạ	0.45	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
33		Nước sinh hoạt.	KCN Loteco - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	03/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.98	0.21	Không mùi, vị lạ	0.50	0.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
34	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	02/04/2024	—	7.01	0.18	Không mùi, vị lạ	0.70	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
35		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp 6+7, xã Thiện Tân.	02/04/2024	—	7.11	0.20	Không mùi, vị lạ	0.50	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
36		Nước sinh hoạt.	Khu dân cư, ấp 5, xã Thạnh Phú.	02/04/2024	—	7.11	0.16	Không mùi, vị lạ	0.40	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
37		Nước sinh hoạt.	UBND xã Tân Bình.	02/04/2024	—	7.11	0.15	Không mùi, vị lạ	0.30	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
38		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa.	02/04/2024	—	7.17	0.19	Không mùi, vị lạ	0.30	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
39	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	02/04/2024	—	6.91	0.18	Không mùi, vị lạ	0.70	0.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
40		Nước sinh hoạt.	Trường THPT Trị An, KP3, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.91	0.20	Không mùi, vị lạ	0.60	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc ( $\leq 15$ TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
41	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.88	0.19	Không mùi, vị lạ	0.55	1.04	0/100ml	0/100ml	Đạt
42		Nước sinh hoạt.	Chợ Vĩnh An, KP5, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.87	0.69	Không mùi, vị lạ	0.50	1.55	0/100ml	0/100ml	Đạt
43		Nước sinh hoạt.	Huyện đội huyện Vĩnh Cửu, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.88	0.32	Không mùi, vị lạ	0.45	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
44		Nước sinh hoạt.	UBND thị trấn Vĩnh An, KP5, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.88	0.21	Không mùi, vị lạ	0.40	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
45		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Sơn Ca, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	02/04/2024	—	6.96	0.23	Không mùi, vị lạ	0.35	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
46		Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Bàu Hàm.	02/04/2024	—	7.99	0.27	Không mùi, vị lạ	0.60	2.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
47		Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Bàu Hàm.	02/04/2024	—	8.07	0.35	Không mùi, vị lạ	0.60	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
48		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom.	02/04/2024	—	8.21	0.22	Không mùi, vị lạ	0.40	2.29	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc ( $\leq 15$ TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
49	Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán	03/04/2024	-	6.97	0.12	Không mùi, vị lạ	0.60	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
50		Nước sinh hoạt.	Phố 1, ấp 3, Phú Vinh.	03/04/2024	-	6.93	0.04	Không mùi, vị lạ	0.55	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
51		Nước sinh hoạt.	Trường Tô Ong Vàng.	03/04/2024	-	6.91	0.04	Không mùi, vị lạ	0.55	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
52		Nước sinh hoạt.	Trường mẫu giáo Phú Hiệp.	03/04/2024	-	6.88	0.06	Không mùi, vị lạ	0.50	0.29	0/100ml	0/100ml	Đạt
53	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc. Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	03/04/2024	-	6.74	0.08	Không mùi, vị lạ	0.56	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
54		Nước sinh hoạt.	Giếng 5 - Trạm Tân Phú.	03/04/2024	-	7.05	0.07	Không mùi, vị lạ	0.60	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
55		Nước sinh hoạt.	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	03/04/2024	-	6.88	0.08	Không mùi, vị lạ	0.59	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
56		Nước sinh hoạt.	KP3, Tà Lài, Tân Phú.	03/04/2024	-	6.65	0.07	Không mùi, vị lạ	0.60	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
57		Nước sinh hoạt.	KCN Tân Phú.	03/04/2024	-	6.73	0.19	Không mùi, vị lạ	0.62	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
58		Nước sinh hoạt.	Ấp 2, xã Phú Lộc.	03/04/2024	-	6.64	0.11	Không mùi, vị lạ	0.63	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
59		Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Nguyễn Huệ.	03/04/2024	-	6.58	0.09	Không mùi, vị lạ	0.65	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

